

R

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC MÃ SỐ: 98 - 98**

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI:

**“QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI  
CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP”**

*Chủ nhiệm:* PGS. TS. Lê Sỹ Thiệp  
*Thư ký khoa học:* TS. Võ Kim Sơn  
*Các thành viên:* PGS. TS. Bùi Thế Vĩnh  
TS. Đinh Văn Tiến  
TS. Trang Thị Tuyết

HÀ NỘI-2000

374-1

30/11/2000

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

*(Cơ sở khoa học cho việc biên soạn giáo trình, bài giảng cho các đối tượng cử nhân hành chính, cao học hành chính của Học viện Hành chính Quốc gia)*

## **Lời nói đầu**

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp là một phần của giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế, được giảng cho mọi đối tượng đào tạo và bồi dưỡng của Học viện Hành chính quốc gia. Tuy nhiên, các giáo trình và bài giảng về phần này còn nhiều mới chỉ là kiến thức bước đầu. Chúng cần phải được bổ sung, điều chỉnh sao cho đầy đủ và chuẩn xác hơn. Ngoài ra, người học thuộc các mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng nói trên cũng chưa có được những tài liệu tham khảo sâu sắc ngoài giáo trình.

Nhằm góp một nguồn tri thức cho việc bổ sung và điều chỉnh các giáo trình, bài giảng cũng như nguồn tài liệu tham khảo cho các học viên thuộc các mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng có học các chuyên đề về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tập thể các tác giả, có tên trong chuyên đề này, viết công trình này với tên gọi là "*Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp*".

Dưới đây là một số điểm cần nói về công trình:

### 1-Mục đích của công trình

Công trình được viết ra nhằm hai mục đích:

-Một là, làm cơ sở cho việc biên soạn lại các chuyên đề, bài giảng, giáo trình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, giảng cho các mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng có học nội dung này của Học viện Hành chính Quốc gia.

-Hai là, làm tài liệu tham khảo cho các học viên thuộc các đối tượng đào tạo và bồi dưỡng nói trên và những ai quan tâm, học tập lĩnh vực này.

Tùy theo chương trình học tập chung của từng mục tiêu đào tạo mà giáo trình tương ứng có độ dài thời lượng khác nhau, nhưng công trình này cung

cấp một lượng tri thức đủ để xây dựng các bài giảng cho các thời lượng trên dưới 60 tiết.

## 2-Trọng tâm, trọng điểm của công trình

Tuy là công trình phục vụ cho việc hình thành môn học ***Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp***, nhưng trong công trình không đề cập mọi vấn đề, cần có trong Giáo trình, mà chỉ đề cập những gì cần có trong giáo trình nhưng hiện nay chưa có, hoặc đã có nhưng chưa đầy đủ, chắc chắn. Vì vậy, để có một giáo trình hoàn chỉnh về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp cần phải tiếp thu tất cả những gì đã được coi là đúng của giáo trình hiện thời, đồng thời bổ sung thêm những tri thức mới có trong công trình này.

Trong công trình này, các tác giả tập trung làm rõ:

- Lý do can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của các doanh nghiệp
- Chức năng đích thực, những phương diện, khía cạnh trong hoạt động của các doanh nghiệp mà Nhà nước phải quan tâm, can thiệp, điều chỉnh.
- Các hình thức, phương pháp, công cụ mà Nhà nước qua đó thực hiện được các ý định can thiệp của mình.
- Những gì mà Nhà nước đã, đang và sẽ hoặc cần làm để thực hiện đúng chức năng, vai trò, sứ mạng của mình đối với các doanh nghiệp.

## 3-Bố cục của công trình

Với nội dung ấy, công trình này có cấu trúc như sau:

- Chương I: CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM - LỊCH SỬ VÀ HIỆN TRẠNG.
- Chương II: VAI TRÒ CỦA CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN NƯỚC TA.
- Chương III: PHƯƠNG HƯỚNG, NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI MỖI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP.
- Chương IV: TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ QLNN ĐỐI VỚI DNNN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

## 4-Tập thể các tác giả gồm

- PGS. TS Lê Sỹ Thiệp (*Chủ nhiệm đề tài*)
- TS. Võ Kim Sơn (*Thư ký đề tài*)
- PGS. TS Bùi Thế Vĩnh
- TS. Đinh Văn Tiến
- TS Trang Thị Tuyết

Tác phẩm do chủ nhiệm và thư ký đề tài trực tiếp biên tập trên cơ sở các chuyên khảo của các thành viên.

Tập thể các tác giả mong muốn rằng, công trình này có ích cho việc biên soạn lại các giáo trình, bài giảng về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, có ích cho sự tham khảo của các học viên có liên quan và bạn đọc có quan tâm.

## CHƯƠNG I

# CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG

## I-MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

### 1. Khái niệm về loại hình doanh nghiệp

#### *a-Xuất xứ của vấn đề loại hình doanh nghiệp.*

Sở dĩ có vấn đề loại hình doanh nghiệp là vì những lý do sau đây:

#### *-Do nhu cầu phân công quản lý doanh nghiệp.*

Quản lý nhà nước về kinh tế chủ yếu là quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp. QLNN là một loại lao động. Để lao động QLNN có năng suất lao động cao cần phải thực hiện sự phân công lao động một cách khoa học. Cơ sở để phân công lao động là phân chia công việc. Trong trường hợp QLNN đối với các DN, phân chia công việc chính là phân loại DN.

#### *- Do nhu cầu cụ thể hoá thể chế quản lý cho phù hợp với từng DN*

Quản lý nhà nước trước hết là điều chỉnh các quan hệ sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp. Muốn vậy, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh phải có chuẩn mực. Đó là thể chế. Để thể chế ban ra được sát cho từng doanh nghiệp phải xây dựng thể chế cho từng doanh nghiệp cụ thể, trong đó tính tới từng đặc điểm của chúng. Nhưng đó là điều không cần thiết và cũng không thể làm được, khi số lượng doanh nghiệp bao giờ và ở nước nào cũng là con số hàng ngàn. Bên cạnh đó, tuy nhiều doanh nghiệp, nhưng chúng giống nhau về nhiều mặt. Chính vì vậy, nếu phân chúng thành từng nhóm tương tự thì có thể xây dựng một hệ chuẩn mực là có thể áp dụng cho cả loạt.

### ***-Do nhu cầu định hướng cho sự ra đời các doanh nghiệp.***

Về lý thuyết, có thể có nhiều loại hình doanh nghiệp. Tuy vậy, cho ra đời những loại hình nào là quyền của mỗi Nhà nước. Có Nhà nước chỉ cho phép ra đời một số loại hình nhất định. Ở những nước có sự hạn định này, quan niệm về các loại hình doanh nghiệp không thuần túy là một quan niệm tổ chức kinh tế nữa mà đã trở thành một quan niệm pháp lý.

### ***b-Khái niệm về loại hình doanh nghiệp.***

Loại hình doanh nghiệp là một phạm trù, xuất hiện từ sự phân loại doanh nghiệp, là một nhóm các doanh nghiệp có cùng một hoặc một số điểm chung nào đó, khiến Nhà nước có thể áp dụng chung một hệ tác động quản lý nào đó lên chúng.

Ở đây yếu tố “hình” trong loại hình không chỉ có nghĩa là hình thức, mà còn có thể là nội dung. Chúng tôi sẽ làm rõ điều này ở chuyên mục sau.

## **2. Các cách phân loại và các loại hình doanh nghiệp**

Như đã nói ở trên, phân loại là để tổ chức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Do vậy sẽ có nhiều cách phân loại do có nhiều mục đích quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Dưới đây lần lượt đề cập một số cách chính:

### ***a-Căn cứ vào sự có mặt của vốn nhà nước trong DN.***

Theo căn cứ này có thể chia các doanh nghiệp thành:

- Doanh nghiệp nhà nước, trong đó, vốn nhà nước bằng 100%
- Doanh nghiệp nhà nước hợp doanh, trong đó, Nhà nước có vốn nhưng vốn nhà nước không là 100%

- Doanh nghiệp không của Nhà nước, trong đó không có vốn nhà nước.

Theo thứ tự trên vốn nhà nước trong ba loại doanh nghiệp đó có từ 100% đến 0%.

### ***b-Căn cứ vào vai trò, vị trí của vốn nhà nước trong liên doanh, nhóm các doanh nghiệp có vốn nhà nước lại có thể được chia ra:***

- Doanh nghiệp, trong đó Nhà nước có vốn cổ phần chi phối hoặc đặc biệt. Tiêu chí chi phối hay đặc biệt như thế nào là do từng Nhà nước có cách quy định riêng, trở thành Luật.

- Doanh nghiệp, trong đó Nhà nước có cổ phần thông thường.

***c-Căn cứ vào trình độ xã hội hoá về tư liệu sản xuất, các doanh nghiệp có thể được phân chia thành:***

- Các doanh nghiệp thuộc sở hữu cá nhân.
- Các doanh nghiệp thuộc sở hữu tập thể.
- Các doanh nghiệp thuộc sở hữu toàn dân.

***d-Căn cứ vào cơ cấu sở hữu chủ về vốn của doanh nghiệp có thể phân các doanh nghiệp thành:***

-Các doanh nghiệp đơn chủ. Tức là chủ sở hữu về vốn của doanh nghiệp chỉ có một. Ví dụ: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh tế cá thể trong nông nghiệp hoặc tiểu thủ công nghiệp,...

-Các doanh nghiệp “hợp chủ”. Đó là các doanh nghiệp mà vốn của nó do nhiều người góp lại. Ví dụ: các hợp tác xã, các công ty các loại. Trong các loại doanh nghiệp này không chỉ có một chủ sở hữu mà là nhiều chủ. Đó là các cổ đông (trong công ty), các xã viên (trong HTX). Về mặt cấu tạo sở hữu của vốn có sự giống nhau giữa HTX và công ty, ở chỗ, vốn của chúng đều là vốn chung của nhiều người. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác nhau căn bản về quan hệ giai cấp. HTX là sự “chung vốn là chung lao động” của những người trực tiếp lao động. Công ty theo đúng nghĩa của nó là sự “canh ty” hay “hùn vốn” gắn với thuê mướn nhân công. Các sở hữu chủ của vốn này có thể trực tiếp lao động (kỹ thuật, quản lý hay sản xuất), nhưng cái chính là họ hưởng lợi nhuận theo cổ phần. Còn lợi nhuận do người lao động làm thuê sáng tạo ra cho họ dưới dạng giá trị thặng dư.

***e-Căn cứ vào các đặc trưng kinh tế - kỹ nghệ - tổ chức sản xuất kinh doanh có thể chia các doanh nghiệp thành:***

-Theo quy mô doanh nghiệp, có: các doanh nghiệp lớn - vừa - nhỏ -  
Theo mức độ chuyên môn hoá có các doanh nghiệp chuyên môn hoá và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tổng hợp.

-Theo nội dung SXKD có các doanh nghiệp công nghiệp - nông nghiệp - thương mại - giao thông vận tải - xây dựng cơ bản - v.v

-Theo vị trí của DN trong quá trình chế tác sản phẩm có các doanh nghiệp khai thác - chế biến, sản xuất tư liệu sản xuất - sản xuất vật phẩm sinh hoạt dân dụng, v.v...

Và còn có thể có nhiều tiêu chí kinh tế - kỹ thuật khác nữa.

***f-Căn cứ vào mức độ độc lập về pháp lý của đơn vị sản xuất kinh doanh.***

Mức độ độc lập về pháp lý kinh doanh là tư cách pháp nhân của doanh nghiệp. Mức độ đó có thể là toàn diện hoặc phiến diện.

Theo tiêu chí này có:

-Doanh nghiệp độc lập (còn gọi là doanh nghiệp hạch toán độc lập). Đó là các doanh nghiệp chịu sự chi phối của những đạo luật nhất định về doanh nghiệp một cách trọn vẹn, đầy đủ.

-Doanh nghiệp phụ thuộc (còn gọi là doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc). Đó là các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân đầy đủ, là đơn vị thành viên của một “pháp nhân mẹ” nào đó.

**g- Căn cứ vào “quốc tịch” của vốn, có thể chia thành:**

-Doanh nghiệp của nước ngoài.

-Doanh nghiệp của nước nhà.

-Doanh nghiệp nội ngoại hợp doanh hoặc hiện vẫn gọi là DN có vốn đầu tư nước ngoài. Tức là có sự hợp doanh của vốn trong và ngoài nước

**h- Căn cứ vào tính xã hội của sản phẩm sản xuất ra, có thể chia thành:**

-Doanh nghiệp sản xuất hàng công cộng

Doanh nghiệp sản xuất hàng công cộng là những doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm hàng hoá và dịch vụ phục vụ lợi ích công cộng.

DN sản xuất hàng công cộng cũng có thể được chia thành hai nhóm:

+ Doanh nghiệp sản xuất và cung cấp hàng hoá công cộng thuần tuý. Đó là các DN sản xuất ra các hàng hoá hoặc dịch vụ không có khả năng phân phối cho cá nhân tiêu dùng theo từng phần xuất riêng biệt và sự tiêu dùng của người này không làm giảm sự tiêu dùng của người khác. Ví dụ các DN phát thanh, truyền hình, DN sản xuất vũ khí,..v..v..

+Doanh nghiệp sản xuất và cung cấp hàng hoá công cộng không thuần tuý. Đó là các DN sản xuất ra các hàng hoá mà việc tiêu dùng có tính công cộng nhưng sự tiêu dùng của người này ảnh hưởng đến mức tiêu dùng của người khác. Ví dụ, các DN vận tải công cộng, các DN xây dựng cầu, đường, các công trình cơ sở cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục, văn hoá,..v..v

-Doanh nghiệp sản xuất hàng hoá cá nhân

Đó là các DN mà sản phẩm hoặc dịch vụ do chúng tạo ra không có các đặc tính như loại nêu trên.

***i- Căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ chính của doanh nghiệp có thể chia DN thành hai loại:***

-Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh.

Đó là DN mà hoạt động được tuân theo cơ chế thị trường, quy luật lợi nhuận tối đa, hoạt động chủ yếu nhằm mục tiêu lợi nhuận.

-Doanh nghiệp hoạt động công ích

Đó là các DN hoạt động theo sự chỉ đạo của Nhà nước nhằm mục tiêu chính trị-xã hội nào đó, được Nhà nước bảo trợ về thu nhập. Các DN này lấy việc hoàn thành nhiệm vụ do Nhà nước đặt ra làm gốc, dưới hình thức hợp đồng hành chính hoặc mệnh lệnh hành chính, tùy thuộc vào chỗ, chúng là DN tư nhân hay DNNN, không chạy theo lợi nhuận

Đối với khối DNNN việc phân loại theo tiêu chí này để Nhà nước có cách quản thích hợp riêng cho mỗi loại. Các DNNN hoạt động kinh doanh sẽ được đối xử trên cùng mặt bằng pháp lý với hình thức doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, bảo đảm sự bình đẳng và tạo ra sự cạnh tranh giữa các loại doanh nghiệp này với mọi doanh nghiệp khác trên thị trường. Trong tương lai, loại doanh nghiệp này cần được điều chỉnh trong một luật chung.

Còn đối với loại doanh nghiệp hoạt động công ích, Nhà nước yêu cầu chúng sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ công cộng theo chính sách riêng của Nhà nước. Do vậy giới hạn các quyền tự chủ của loại doanh nghiệp hẹp hơn so với doanh nghiệp kinh doanh. Nhà nước kiểm tra, kiểm soát chúng chặt chẽ hơn để bảo đảm cho các mục tiêu của Nhà nước được chúng thực hiện nghiêm chỉnh.

***k- Căn cứ vào nội dung hàng hoá mà chúng kinh doanh, các DN được chia thành hai loại:***

-Doanh nghiệp tài chính.

Đó là các tổ chức tài chính trung gian như công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, các ngân hàng thương mại,..v...v Những doanh nghiệp này cung ứng vốn cho nền kinh tế. Hoạt động kinh doanh của



chúng không phải là hàng hoá thông thường mà là hàng hoá đặc biệt: tiền tệ, vốn, chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu).

-Doanh nghiệp sản xuất hàng hoá dịch vụ thông dụng.

Đó là những doanh nghiệp lấy sản xuất kinh doanh hàng hoá thông dụng và dịch vụ làm hoạt động kinh doanh chính.

*l- Căn cứ vào hình thức tổ chức quản lý, có:*

-Doanh nghiệp có Hội đồng quản trị.

-Doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị.

*m- Căn cứ theo mối liên kết kinh tế nội bộ của từng doanh nghiệp, khối DNNN có sự phân chia thành:*

-Các doanh nghiệp độc lập.

-Các công ty nhà nước.

Các tổng công ty nhà nước còn được chia thành

+Loại tổng công ty có các đơn vị thành viên hạch toán độc lập.

+Tổng công ty bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán kinh tế phụ thuộc.

+Tổng công ty bao gồm cả hai loại đơn vị thành viên nêu trên.

## **II. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

Quá trình phát triển các loại hình doanh nghiệp của Việt nam gắn liền với :

-Quá trình cải tạo các thành phần kinh tế của nền kinh tế Việt nam,

-Sự phát triển quan hệ quốc tế về kinh tế của Việt nam,

-Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân Việt nam,

-Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt nam.

Vì vậy để nghiên cứu đầy đủ lịch sử phát triển các loại hình doanh nghiệp Việt nam chắc chắn cần phải có một công trình nghiên cứu khác.

Trong đề tài này chúng tôi chỉ nghiên cứu khía cạnh sở hữu của loại hình doanh nghiệp

## **1. Thời kỳ trước cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và tập thể hoá nông dân cá thể, thợ thủ công cá thể.(1945-1954)**

Trong thời kỳ này,

-Tại vùng giặc Pháp chiếm đóng hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp là tư nhân và tư nhân tư bản. Đó là các đồn điền, công xưởng, nhà máy của chủ tư bản Pháp, một số của tư sản dân tộc, các nông trại của địa chủ, phú nông, trung nông ở nông thôn Việt nam, các hộ tiểu thương-thị dân,..v..v.

-Tại vùng tự do, ngoài các đơn vị kinh tế nông hộ của địa chủ kháng chiến, các hộ tiểu thương, các hộ tiểu thủ công ở nông thôn, đã bắt đầu hình thành các đơn vị kinh tế của Nhà nước, trong đó phần lớn là các xưởng quân giới hoặc quân nhu ( Các Z hoặc các X). Các xí nghiệp được xây dựng để đáp ứng nhu cầu của cuộc kháng chiến. Đặc biệt là mầm mống cho sự ra đời một số DNNN sau này, khi Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Ví dụ nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, Giấy Lửa Việt, Giấy Hoàng Văn Thụ,..v..v.

Sau năm 1954, Nhà nước ta đã tiếp quản nhiều xí nghiệp của Pháp và tư sản dân tộc, biến chúng thành các xí nghiệp quốc doanh (hình thức quốc hữu hoá các loại hình doanh nghiệp của các chủ tư bản lớn như đã tồn tại phổ biến ở nhiều nước).

Bên cạnh các xí nghiệp quốc doanh, được hình thành như trên, còn có các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh, song vai trò tác dụng của chúng rất hạn chế.

## **2. Thời kỳ 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế ở miền Bắc (1957-1960).**